

KỶ 2 - THÁNG 11 - 2025



SỐ 342

KỶ 2 - THÁNG 11 - 2025

TẠP CHÍ

ISSN 1859 - 0810

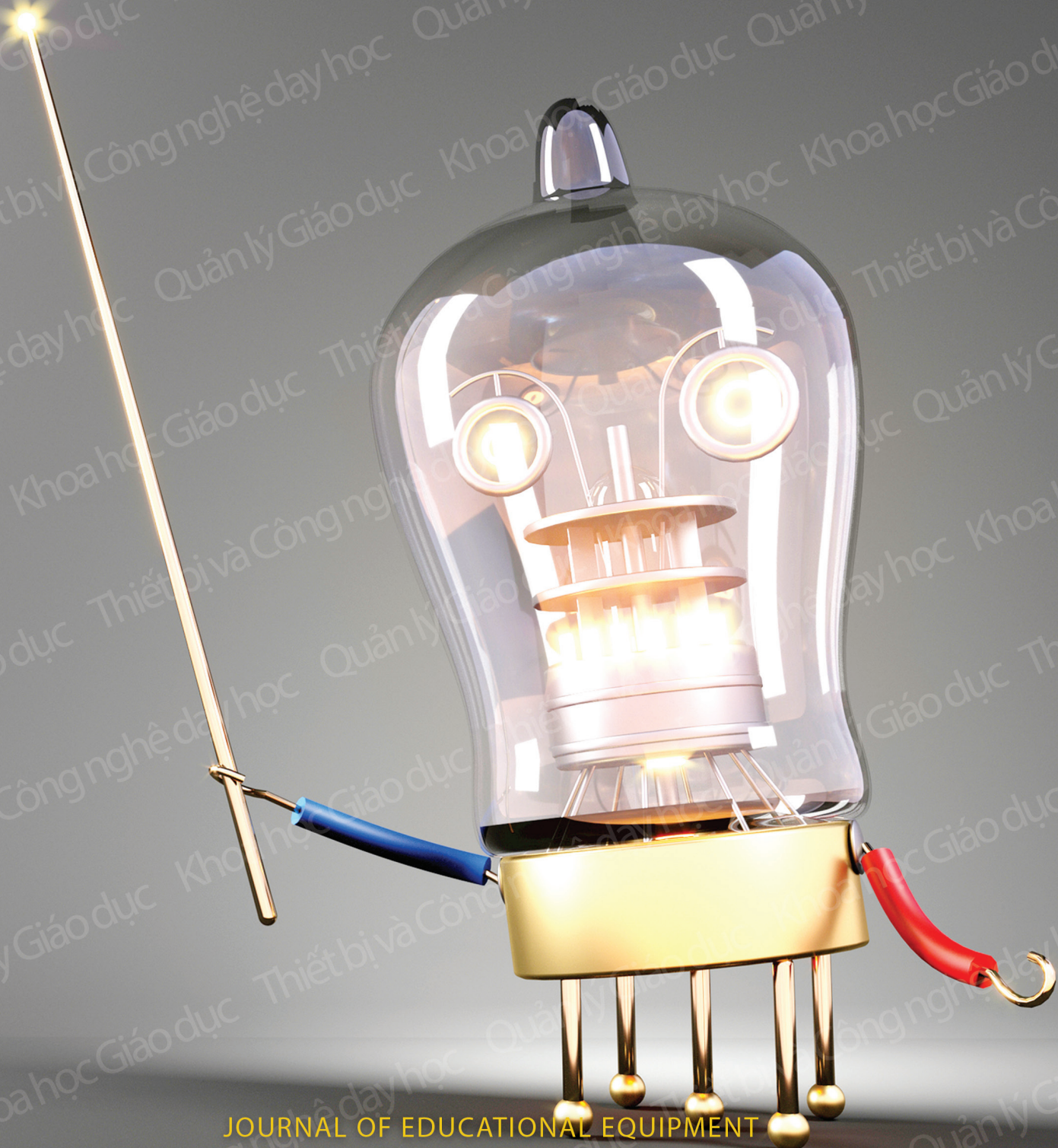
Thiết bị Giáo dục

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TẠP CHÍ Thiết bị Giáo dục



SỐ 342



JOURNAL OF EDUCATIONAL EQUIPMENT
WWW.TAPCHITHIETBIGIAODUC.VN

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỘI BÓNG ĐÁ NAM SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ THEO MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ

EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF SOLUTIONS FOR ORGANIZING THE ACTIVITIES OF THE HUE UNIVERSITY MEN'S STUDENT FOOTBALL TEAM BASED ON THE CLUB MODEL

*Trịnh Xuân Hồng**, *Nguyễn Đăng Hào***, *Trần Thanh Tú**,
*Trần Thị Thuỳ Linh**, *Nguyễn Thị Quỳnh Nga**

**ThS, **TS. Khoa Giáo dục thể chất, Đại Học Huế*

Received: 16/10/2025; Accepted: 27/10/2025; Published: 16/11/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của các giải pháp tổ chức hoạt động của đội bóng đá nam Đại học Huế theo mô hình câu lạc bộ. Hai nhóm gồm 40 sinh viên thuộc đội bóng đá nam Đại học Huế (20 nhóm thí nghiệm, 20 nhóm đối chứng) được chọn ngẫu nhiên và tham gia trong 12 tuần. Nhóm thí nghiệm áp dụng mô hình câu lạc bộ, nhóm đối chứng áp dụng hình thức truyền thống. Kết quả thí nghiệm được đánh giá dựa trên 5 bài kiểm tra thể lực chuyên môn (chạy xuất phát 30m, chạy 1500m, nhảy xa tại chỗ, rê bóng tốc độ 30m, sút phạt 10 lần) do đối tượng nghiên cứu lựa chọn. Sau 12 tuần thí nghiệm, phân tích thống kê cho thấy nhóm thí nghiệm có sự cải thiện đáng kể về thể lực và kỹ năng chuyên môn so với nhóm đối chứng, chứng minh tính hiệu quả và tầm quan trọng của mô hình câu lạc bộ trong việc huấn luyện và tổ chức hoạt động của đội bóng đá nam sinh viên Đại học Huế.

Từ khóa: tổ chức hoạt động, bóng đá sinh viên, mô hình câu lạc bộ, Đại học Huế, giáo dục thể chất

Abstract: This study focuses on evaluating the effectiveness of solutions to organize activities of the Hue University Men's Football Team according to the Club model. Two groups of 40 students in the Hue University Men's Football Team (20 experimental group, 20 control group) were randomly selected and participated for 12 weeks, NTN implemented according to the Club model, NDC implemented according to the traditional form. The experimental results were evaluated based on 5 specialized physical tests (30m high start run, 1500m run, on-the-spot long jump, 30m speed dribbling, 10 goal kicks) that the study interviewed to select. After 12 weeks of experimentation, statistical analysis showed that the experimental group had a significant improvement in physical strength and professional skills compared to the control group, proving the effectiveness and feasibility of the club model in training and organizing activities of the male student football team of Hue University.

Keywords: organizing activities, student football, club model, Hue University, physical education.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, việc phát triển phong trào thể dục thể thao, đặc biệt là bóng đá sinh viên (SV), có vai trò quan trọng trong nâng cao thể chất, tinh thần, và kỹ năng xã hội cho SV. Tuy nhiên, tổ chức hoạt động bóng đá tại nhiều trường đại học ở Việt Nam, trong đó có Đại học Huế, còn mang tính phong trào, chưa thực sự chuyên nghiệp.

Mô hình CLB bóng đá SV được xem như một giải pháp khả thi, nhằm tạo môi trường huấn luyện ổn định, duy trì hoạt động thường xuyên, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và tổ chức thi đấu giải của đội tuyển. Tuy nhiên, để mô hình này phát huy hiệu quả, cần có nghiên cứu thực nghiệm khoa học nhằm đánh giá tính khả thi và hiệu quả. Vì vậy, việc lựa chọn và đánh giá tính hiệu quả các giải pháp tổ chức hoạt động đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH là hết sức cấp thiết để hiện thực hoá mô hình này.

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Sau khi tìm hiểu về thực trạng hoạt động và tổ chức hoạt động của đội tuyển bóng đá nam SV Đại Học

Huế nghiên cứu đã chỉ ra những điểm hạn chế trong công tác tổ chức hoạt động cũng như những hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí và đặc biệt là hình thức hoạt động đội tuyển theo cách truyền thống tạo ra nhiều bất cập trong duy trì hoạt động của đội bóng. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý Thể thao và những cán bộ phụ trách phong trào Thể thao tại Khoa Giáo dục Thể Chất – Đại học Huế, các Trường thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn được 5 nhóm giải pháp nhằm tổ chức hoạt động đội bóng đá nam SV Đại học Huế theo mô hình Câu lạc bộ, bao gồm: Giải pháp về cơ cấu tổ chức – quản lý, giải pháp về chuyên môn – huấn luyện, giải pháp về cơ sở vật chất – trang thiết bị, giải pháp về tài chính – xã hội hóa, giải pháp về truyền thông – phong trào.

Nghiên cứu cũng tiến hành đánh giá hiệu quả các giải pháp đã được lựa chọn để nhanh chóng áp dụng vào tổ chức hoạt động cho đội tuyển bóng đá nam SV Đại Học Huế (ĐHH). Quá trình này được thực hiện

qua các bước lựa chọn test kiểm tra sự phạm, thực nghiệm sự phạm và so sánh đối chiếu.

2.1. Lựa chọn các test kiểm tra đánh giá trình độ thể lực, kỹ thuật chuyên môn

2.1.1. Cơ sở lý luận:

Việc lựa chọn các test đánh giá được thực hiện trên cơ sở tham khảo các tài liệu chuyên ngành và tuân thủ ba nguyên tắc cơ bản:

Nguyên tắc 1: Các bài test lựa chọn phải đánh giá toàn diện về thể lực, chuyên môn.

Nguyên tắc 2: Test được lựa chọn phải đảm bảo độ chính xác, khả năng phản ánh đúng đặc điểm và mức độ phát triển thể lực, chuyên môn của đối tượng nghiên cứu.

Nguyên tắc 3: Test có tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng, hình thức kiểm tra đơn giản, phù hợp với điều kiện thực tiễn của công tác huấn luyện đội tuyển.

Đánh giá là một khâu không thể thiếu trong quá trình quản lý và huấn luyện, cho phép xác định mức độ đạt được mục tiêu huấn luyện, đồng thời làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch nhằm phát huy điểm mạnh và khắc phục hạn chế của vận động viên. Trong huấn luyện bóng đá, hệ thống test đóng vai trò quan trọng trong việc theo dõi sự phát triển thể lực và trình độ tập luyện của sinh viên theo từng giai đoạn

3.1.2. Cơ sở thực tiễn:

Từ tổng hợp các phương pháp đánh giá cho thấy, để đánh giá hiệu quả xây dựng mô hình câu lạc bộ đối với đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH cần sử dụng hệ thống chỉ tiêu sự phạm, trong đó thực nghiệm sự phạm giữ vai trò chủ đạo, kết hợp các test thể lực và kỹ thuật chuyên môn. Nghiên cứu đã phỏng vấn 20 chuyên gia, huấn luyện viên và nhà quản lý thể thao tại ĐHH bằng phiếu hỏi với hình thức trả lời “đồng ý” hoặc “không đồng ý”. Các test đạt tỷ lệ đồng ý trên 70% được lựa chọn sử dụng trong thực nghiệm; kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các test đánh giá trình độ thể lực, kỹ thuật chuyên môn (n=20).

TT	Các Test đánh giá về trình độ thể lực	Đồng ý	Tỷ lệ (%)
1	Bật xa tại chỗ (cm).	20	100
2	Lực bóp bàn tay thuận (Kg).	13	65
3	Ngồi với (cm).	12	60
4	Chạy 1500 m (phút).	19	95
5	Chạy 30m xuất phát cao (s).	18	90
6	Chạy tuý sức 5 phút (m)	13	65
	Các Test đánh giá về trình độ kỹ thuật		
1	Dẫn bóng tốc độ 30m (s).	19	95
2	Dẫn bóng sút cầu môn /5 quả (quả vào).	12	60
3	Tâng bóng hai chân (lần chạm)	11	55
4	Chuyền bóng hành lang (m).	13	65
5	Nhảy đánh đầu bóng ngược (m)	14	70
6	Sút bóng cầu môn /10 quả (quả vào).	18	90

Qua kết quả bảng 1 phỏng vấn các chuyên gia, HLV môn Bóng đá đề tài đã lựa chọn được 05 test chuyên môn ứng dụng trong đánh giá trình độ thể

lực, chuyên môn nhằm kiểm chứng tính hiệu quả các giải pháp mà nghiên cứu đã lựa chọn. Các chỉ tiêu, test bao gồm:

Các test thể lực:

1. Bật xa tại chỗ (cm).
2. Chạy 30m xuất phát cao (s).
3. Chạy 1500m (phút)

Các test kỹ thuật chuyên môn:

1. Dẫn bóng tốc độ 30m (s).
2. Sút bóng cầu môn /10 quả (quả vào).

3.2. Đánh giá hiệu quả các giải pháp tổ chức hoạt động đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH theo mô hình CLB

3.2.1. Tổ chức thực nghiệm sự phạm

Nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của các giải pháp mà đề tài đã lựa chọn:

* Thời gian thực nghiệm: 12 tuần, 03 buổi/tuần (Từ 04/2025 đến 07/2025)

* Đối tượng thực nghiệm là 40 em trong đội dự tuyển bóng đá nam SV ĐHH. Trong đó:

Nhóm thực nghiệm (NTN) là 20 em: Sinh hoạt và tập luyện theo mô hình CLB

Nhóm đối chứng (NĐC) là 20 em: Sinh hoạt và tập luyện theo hình thức truyền thống

3.2.2. Đánh giá hiệu quả các giải pháp tổ chức hoạt động đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH theo mô hình CLB

Để đánh giá kết quả thực nghiệm đề tài sử dụng các test đã lựa chọn để tiến hành kiểm tra thành tích trước và sau thực nghiệm của hai nhóm NTN và NĐC. Kết quả thành tích kiểm tra của hai nhóm như sau:

Bảng 2. Kết quả kiểm tra NĐC trước và sau khi thực nghiệm (n=20)

SV	Chạy 30m (s)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 1500m (Phút)		Dẫn bóng tốc độ 30m (S)		Sút cầu môn (/10)	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
1	4,77	4,65	219	225	361	351	8,21	8,13	5	6
2	4,82	4,71	216	220	365	353	8,32	8,25	5	5
3	4,75	4,66	218	223	367	356	8,30	8,19	5	6
4	4,78	4,65	217	221	366	356	8,31	8,20	5	5
5	4,80	4,69	215	219	368	360	8,33	8,22	4	5
6	4,76	4,68	217	221	362	350	8,29	8,18	5	6
7	4,78	4,67	219	225	363	352	8,30	8,20	5	6
8	4,80	4,71	216	219	367	355	8,32	8,19	5	5
9	4,74	4,67	221	227	359	350	8,30	8,20	5	6
10	4,70	4,69	221	231	362	357	8,29	8,19	4	5
11	4,73	4,67	218	222	361	354	8,32	8,22	5	5
12	4,88	4,72	217	221	360	353	8,32	8,21	5	5
13	4,77	4,65	220	229	362	356	8,33	8,22	4	5
14	4,80	4,72	218	221	363	356	8,36	8,28	6	6
15	4,77	4,70	220	225	359	351	8,29	8,22	5	5
16	4,81	4,75	219	222	360	351	8,31	8,24	4	5
17	4,79	4,69	223	230	359	351	8,34	8,22	6	6
18	4,78	4,71	217	221	362	355	8,32	8,20	5	5
19	4,80	4,73	216	219	362	357	8,33	8,21	5	6
20	4,76	4,68	225	232	358	351	8,30	8,23	5	5

Bảng 3. Kết quả kiểm tra của NTN trước và sau khi thực nghiệm (n=20)

SV	Chạy 30m (s)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 1500m (Phút)		Dẫn bóng tốc độ 30m (S)		Sút cầu môn (/10)	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
1	4,75	4,51	211	224	364	346	8,31	7,92	5	7
2	4,77	4,54	208	222	370	350	8,28	7,94	4	6
3	4,80	4,59	214	225	368	345	8,32	7,93	5	7
4	4,92	4,67	207	220	369	343	8,27	7,91	4	6
5	4,79	4,56	212	226	361	350	8,30	7,92	5	7
6	4,95	4,66	209	221	365	351	8,34	8,00	5	6
7	4,78	4,52	215	227	368	350	8,25	7,87	5	7
8	4,84	4,60	210	223	370	351	8,30	7,91	4	6
9	4,80	4,57	209	222	368	349	8,31	7,90	5	7
10	4,81	4,58	213	225	372	352	8,33	7,95	4	6
11	4,79	4,55	212	226	371	356	8,32	7,91	5	7
12	4,85	4,61	210	223	369	354	8,30	7,93	5	7
13	4,90	4,65	211	224	364	353	8,29	7,94	4	6
14	4,77	4,52	214	228	370	358	8,29	7,91	5	7
15	4,92	4,64	209	221	363	352	8,33	7,97	4	6
16	4,86	4,60	210	224	369	351	8,32	7,95	5	7
17	4,88	4,61	213	226	372	359	8,34	7,94	5	7
18	4,82	4,57	211	223	369	350	8,31	7,92	4	6
19	4,93	4,62	208	220	375	355	8,35	8,00	5	7
20	4,82	4,56	212	225	370	356	8,27	7,92	5	7

Qua bảng 1 và 2 nghiên cứu tiến hành tổng kết và so sánh kết quả kiểm tra của NTN và NĐC trước khi tiến hành thực nghiệm như sau:

Bảng 3. So sánh kết quả kiểm tra của NTN và NĐC trước thực nghiệm (n=40)

Test	Nhóm TN (n=20)		Nhóm ĐC (n=20)		So sánh		
	X	δ	X	δ	T-tính	T-bảng	P
Chạy 30m (s)	4.85	0.20	4.79	0.18	0.99	2.02	≤ 0.05
Bật xa tại chỗ (cm)	2.11	0.08	2.20	0.10	0.14	2.01	≤ 0.05
Chạy 1500m (phút)	3.68	0.14	3.63	0.10	1.30	2.02	≤ 0.05
Dẫn bóng tốc độ 30m (s)	8.30	0.10	8.28	0.15	0.49	2.03	≤ 0.05
Sút bóng trúng đích /10 lần (Quả vào)	4.5	1.0	5	1.0	0.10	2.02	≤ 0.05

Qua bảng 3 cho thấy cả 5 test kiểm tra trước thực nghiệm kết quả thu được $T_{\text{Tinh}} < T_{\text{Bảng}}$. Sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất $P \leq 0,05$.

Hay nói cách khác là kết quả kiểm tra ban đầu của NTN và NĐC trước thực nghiệm là sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất $P \leq 0,05$.

Sau 12 tuần thực nghiệm chúng tôi tiến hành kiểm tra lại và so sánh thành tích của hai nhóm TN và ĐC, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 4. So sánh Kết quả NTN và NĐC sau khi thực nghiệm (n=40)

Test	Nhóm TN (n=20)		Nhóm ĐC (n=20)		So sánh		
	X	δ	X	δ	T-tính	T-bảng	P
Chạy 30m (s)	4.59	0.16	4.70	0.10	2.67	2.02	≤ 0.05
Bật xa tại chỗ (cm)	2.24	0.08	2.25	0.13	2.34	2.02	≤ 0.05
Chạy 1500m (phút)	3.51	0.16	3.55	0.10	2.01	2.03	≤ 0.05
Dẫn bóng tốc độ 30m (s)	7.95	0.10	8.20	0.15	3.20	2.02	≤ 0.05
Sút bóng trúng đích /10 lần (Quả vào)	6.5	1.0	5.5	2.0	3.10	2.02	≤ 0.05

Như vậy, qua bảng 4 cho thấy ở cả 5 nội dung kiểm tra đều cho kết quả $T_{\text{Tinh}} > T_{\text{Bảng}} = 2.02$. Sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất $P \leq 0,05$. Hay nói cách khác sau khi áp dụng các giải pháp tổ chức đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH theo mô hình CLB cho nhóm thực nghiệm đã đạt kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn so với nhóm đối chứng. Chúng tôi mô hình CLB và những giải pháp đã lựa chọn mang lại tính khả thi và hiệu quả tốt.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chứng minh tính hiệu quả và khả thi của các giải pháp tổ chức hoạt động đội bóng đá nam SV Đại học Huế theo mô hình CLB. Nhóm TN có sự cải thiện rõ rệt ở cả 5 chỉ tiêu thể lực chuyên môn so với nhóm ĐC. Đại học Huế cần chỉ đạo cho các đơn vị chức năng cụ thể là Khoa Giáo dục Thể chất – ĐHH phối hợp với các đơn vị thành viên để chính thức hóa mô hình CLB, có cơ chế hỗ trợ tài chính, sân bãi và nhân sự huấn luyện để duy trì và phát triển phong trào bóng đá SV ĐHH nói chung và đội tuyển bóng đá nam SV ĐHH nói riêng nhằm phát huy những giá trị truyền thống của đội cũng như kịp thời phát triển, thi đấu đạt kết quả cao nhất mang vinh quang về cho ĐHH.

Nguồn: Trích từ kết quả nghiên cứu đề tài: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Găng (2015), *Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết thể dục thể thao giữa Đại học Huế và các tổ chức thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố Huế*, luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học thể dục thể thao Việt Nam.

[2]. Nguyễn Thị Thuý (2016), *Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao biển quân chủng ở Miền Bắc Việt Nam*, luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.

[3]. Ngô Quang Huy (2016), *Nghiên cứu giải pháp đổi mới hoạt động của Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội*, luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học thể dục thể thao Việt Nam.

[5]. Nguyễn Thế Tinh (2019), *Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ Thể dục Thể thao tại Đại học Huế*, đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế.

[6]. Lê Cát Nguyễn (2019), *Nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho SV Đại học Huế*, Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế.

[7]. Lê Thanh Tùng, Võ Đức Thành (2022), *Phát triển phong trào thể thao học đường thông qua mô hình câu lạc bộ bóng rổ tại các trường trung học cơ sở*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 282 (kỳ 2 – 2022), tr. 31–35.

Phó Tổng biên tập phụ trách

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TỬ

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Tel/zalo: 0988775566

Email: tapchitbgd@gmail.com.vn

Website: <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd>

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ◆ Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Nga, Tống Thị Lan, Trần Thu Hà, Nguyễn Thị Trang: Nghiên cứu, thiết kế chế tạo bộ Khuếch đại cao tần tạp âm thấp tần số 2.55 – 2.8 GHz trong hệ thống Radar dự báo thời tiết
- ◆ Đặng Gia Dũng, Nguyễn Thúy May, Nguyễn Thanh Phong, Đàm Đức Cường, Nguyễn Thị Bảo Thư: Thiết kế và phát triển mô hình xe cân bằng hai bánh ứng dụng thuật Toán bầy sứa cải tiến (ISSA) phục vụ đào tạo trong lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật
- ◆ Trần Minh Thắng: Thiết kế Mô hình học Sâu lai trong dự báo thời tiết nội mùa theo khu vực địa lý
- ◆ Nguyễn Thị Nga, Đào Thị Mơ, Đàm Đức Cường, Tống Thị Lan, Nguyễn Thị Thu Hà: Thiết kế, chế tạo mô hình cánh tay Robot 4 bậc điều khiển sử dụng Esp32
- ◆ Đoàn Trí Thơ: Thiết kế và sử dụng bộ công cụ đánh giá thường xuyên nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh lớp 2 qua dạy học nội dung “Số và phép tính”
- ◆ Lê Kim Anh, Dương Quốc Hiệu, Nguyễn Hoàng Viên: Thiết kế và chế tạo mô hình hệ thống tự động điều hướng cho nguồn pin mặt trời
- ◆ Nguyễn Lan Phương, Nguyễn Duy Tuệ, Thái Quang Thịnh, Nguyễn Tiến Lực, Nguyễn Trần Thành Lâm: Nghiên cứu sử dụng thấu kính Fresnel và Collector chân không trong chưng cất nước mặn quy mô nhỏ
- ◆ Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Thị Thu Hiền: Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc Đại học
- ◆ Nguyễn Thị Lan Anh: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nâng cao hiệu quả công việc của giảng viên Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ Phạm Thị Đào: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hướng dẫn nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và dạy học tại Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ Nông Đức Phúc: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ giảng dạy các môn Giáo dục thể chất ở trường đại học, cao đẳng
- ◆ Hoàng Quốc Dũng: Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng Video bài giảng, áp dụng với chủ đề “Quy luật địa đới”
- ◆ Đặng Thu Thảo, Đỗ Thị Phương Thảo: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống bài tập phân bậc trong tổ chức dạy học phân hoá chủ đề “Hình học và Đo lường” cho học sinh lớp 5
- ◆ Bùi Thị Thường, Phạm Thị Thu Hiền: Thiết kế quy trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 bằng phương pháp quan sát nhằm phát huy tính tích cực của học sinh
- ◆ Đỗ Thị Phương Thảo, Quãn Thị Lan Anh: Dạy học “số và phép tính” (toán 2) với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI)
- ◆ Nguyễn Thị Thanh Hiền, Đỗ Thị Phương Thảo: Thiết kế hệ thống bài tập trong nội dung dạy học “Phân số” (Toán 4) theo hướng phát triển năng lực đáp ứng Chương trình GDPT 2018
- ◆ Phạm Thị Kim Châu, Nguyễn Minh Trí: Dạy học hợp tác nội dung Số và phép tính trong môn Toán lớp 3
- ◆ Ngô Thị Lê: Xây dựng bài học mô phỏng tương tác với Matlab/Simulink để nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ thuật đo lường
- ◆ Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trần Nguyễn Bảo Ninh: Thiết kế hệ thống Web giám sát thời gian thực cho trạm 110 KV ứng dụng trong đào tạo kỹ sư điện
- ◆ Đặng Văn Phúc, Nguyễn Thị Nhạn: Phát triển năng lực lập luận cho học sinh lớp 2 trong dạy học Số và phép tính – thông qua nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập của bạn hoặc nhóm bạn
- ◆ Lê Thị Ánh Tuyết, Lê Duy Cường: Thiết kế hoạt động trải nghiệm dạy học nội dung Số và phép tính cho học sinh lớp 4
- ◆ Nguyễn Thị Kim Cúc: Bồi dưỡng năng lực vận dụng Toán học vào thực tiễn cho học sinh lớp 7 thông qua dạy học chủ đề “Các hình khối trong thực tiễn”
- ◆ Phan Minh Nguyệt, Lê Duy Cường: Thiết kế tình huống dạy học nội dung Số và phép tính phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 3
- ◆ Trương Ngọc Anh Thư, Lê Minh Cường: Phát triển năng lực tư duy và lập luận Toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Hệ tứ giác lớp 8

- ◆ **Trần Quốc Dũng:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Xác suất có điều kiện lớp 12 qua tình huống thực tiễn
- ◆ **Lê Thị Hồng Dung:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy học phần Giải tích ở các trường đại học
- ◆ **Trần Thị Thanh:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sản phẩm đa phương tiện hỗ trợ dạy học
- ◆ **Phạm Huy Bằng:** Hướng dẫn ứng dụng Chatbot AI trong học tập tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Trần Thị Bích Lan, Trần Minh Vương, Tống Kim Anh Dũng:** Phân tích hiệu năng của mô hình ẩn Markov hỗn hợp Gauss trong hệ thống xác thực định danh người nói
- ◆ **Nguyễn Thị Huyền Thư:** Tính ổn định Mittag-leffler cho một lớp hệ phân thứ phi tuyến có nhân suy giảm
- ◆ **Nguyễn Chương Đạo, Lưu Thủy Chung, Trần Văn Giang:** Ảnh hưởng của vận tốc cắt và chiều sâu cắt đến độ nhám bề mặt khi phay bánh răng trụ răng nghiêng trên máy phay vạn năng FVH260S
- ◆ **Nguyễn Đình Thư:** Giải pháp công nghệ và tiềm năng thương mại hóa: phát triển hệ thống IoT cho nông nghiệp thông minh tại Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Lê Văn Đăng:** Giải pháp IOT thông minh cho giám sát và cảnh báo sự cố tấm pin năng lượng mặt trời
- ◆ **Ngô Ngọc Sơn:** Ảnh hưởng của góc nghiêng điện cực hàn Mag đến cấu trúc hình học và cơ tính mối hàn thép Cacbon thấp ở tư thế 1G
- ◆ **Trần Thị Vân Anh:** Áp dụng chuyển đổi số trong giảng dạy cho sinh viên Khoa Điện - Điện tử
- ◆ **Bùi Đức Cường, Phạm Thị Thanh Hải, Sử Ngọc Anh:** Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: tổng quan nghiên cứu và khoảng trống lý luận cho khối các trường thuộc lực lượng vũ trang
- ◆ **Nguyễn Đức Đông:** Chuyển đổi số giáo dục Việt Nam hiện nay: thách thức và giải pháp
- ◆ **Trần Thị Mỹ Thanh:** Ứng dụng công nghệ quét mã QR trong quản lý học sinh, sinh viên ăn, ở nội trú tại Trường Cao đẳng Điện Biên
- ◆ **Nguyễn Thanh Nga, Lê Thị Bích Thảo:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học nội dung “Điện” - Khoa học tự nhiên 8 theo giáo dục STEAM
- ◆ **Lê Thị Hoà:** Hiệu quả của Lớp học đảo ngược so với lớp học truyền thống: nghiên cứu hành động trong học phần Phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại Đại học Đại Nam
- ◆ **Đào Thị Phương Lan:** Phát triển năng lực tư duy phản biện qua vận dụng học thuyết kiến tạo trong dạy học Lịch sử bậc phổ thông
- ◆ **Nguyễn Thị Lệ Hằng; Trương Kiều Phương:** Một số biện pháp nâng cao khả năng sử dụng trí tuệ nhân tạo vào việc học tiếng Anh cho sinh viên Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc
- ◆ **Đinh Văn Trí, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Hà Thái Thủy Lê:** Ehangcing English prompt writing skills for ai-based learning and creative thinking development in physics Education
- ◆ **Do Minh Phương:** The application of smart education in chinese language teaching in Vietnam: implementation models and practical value
- ◆ **Nguyễn Thị Hòa, Võ Phú Thịnh, Huỳnh Nghĩa Trung, Lê Văn Trần , Nguyễn Ngọc Vân Anh:** Quantitative survey on the level and impact of chatgpt use on high school students in Cantho city
- ◆ **Van Khanh Doan, Cong Han Le, Quang Viet Ho:** Autonomous Solar-Powered Vehicle: An Experimental Platform for Learning Robotics and Renewable Energy
- ◆ **Giang Trúc Mai:** English grammar for esp students at huit
- ◆ **Lê Thị Thu Huyền:** First-year uet (vnu) students’ difficulties in writing informal letters (vstep writing task 1) and pedagogical suggestions
- ◆ **Hoang Thị Thu Hương:** Application of active teaching methods in the course of Vietnamese ethnic culture and music at Universities
- ◆ **Nguyen Thi Loan:** Enhancing students’ self-learning ability in English through digital platforms in an open learning ecosystem
- ◆ **Vũ Phương Lan:** Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên thông qua hoạt động lồng tiếng phim - ứng dụng trong môn Tiếng Anh B1 lms tại Đại học Quốc gia Hà Nội
- ◆ **Khắc Thị Ánh Tuyết:** Sử dụng các sơ đồ tổ chức thông tin để hỗ trợ kỹ năng đọc hiểu trong lớp học tiếng Anh
- ◆ **Nguyễn Lam Vân Anh, Nguyễn Trần Huỳnh Mai, Trần Nguyễn Bảo Thư, Mai Thị Mỹ Hương, Lý Kim Hoàng:** Khảo sát quan điểm về mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên tiếng Anh khi học các học phần Pháp văn căn bản tại Đại học Cần Thơ
- ◆ **Nguyễn Thị Hải Yến:** Phân tích lược bỏ Tiểu từ trong tiếng Hàn sơ cấp: so sánh văn nói - văn viết và ứng dụng sư phạm dựa trên giáo trình Get it korean 2
- ◆ **Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thu Giang:** Đối chiếu đặc điểm tu từ Hán - Việt hiện đại: cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Hán tại Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Thị Thanh Ngọc:** Khảo sát những biện pháp áp dụng công nghệ tạo hứng thú học ngoại ngữ cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trường Đại học Hà Nội
- ◆ **Vũ Thanh Thủy:** Triển khai biện pháp giảng dạy và học tập kỹ năng nghe - nói - đọc - viết trong lớp học trực tuyến

- ◆ **Lê Hồng Vân:** Cách tiếp nhận lời khen trong tiếng Nhật
- ◆ **Phạm Thu Hà:** Các cấu trúc ngôn ngữ và cách phát triển ý theo mô hình Peel trong đoạn văn về bất lợi
- ◆ **Lê Huy Hà:** Đánh giá thực trạng vấn nạn bạo lực học đường của học sinh các trường trung học cơ sở TP Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam
- ◆ **Lê Thị Thảo:** Giáo dục kỹ năng cảm xúc xã hội cho trẻ 5-6 tuổi: nghiên cứu trường hợp tại các trường mầm non phường Tây Hồ, TP. Hà Nội
- ◆ **Nguyễn Song Tuấn Hải:** Đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên
- ◆ **Nguyễn Thị Mai Hương:** Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng sư phạm Hoà Bình tìm hiểu về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Mường thông qua học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Thị Thu Phương:** Thực trạng nhận thức của giáo viên mầm non ngoài công lập về giáo dục STEAM: nghiên cứu tại các trường mầm non ngoài công lập, phường Phương Liệt, TP Hà Nội
- ◆ **Phạm Thị Thuỳ Trang:** Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên khối ngành Kỹ thuật Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum
- ◆ **Phạm Thị Thuật, Đinh Thị Vân; Đặng Thị Thu Phương:** Tổ chức hoạt động bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục ở các nhà trường quân đội hiện nay
- ◆ **Trương Hoàng Hoa Duyên:** Nghiên cứu lợi ích khi tham gia các hoạt động tình nguyện của học sinh, sinh viên - trường hợp các trường trung học phổ thông và trường đại học tại TP Đà Nẵng
- ◆ **Vũ Thúy Hoàn, Phạm Thị Dự:** Giáo dục cảm xúc cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm: Góc nhìn từ nghiên cứu quốc tế và bài học cho Việt Nam
- ◆ **Trần Xuân Ngọc:** Vận dụng phương pháp thực hành trong hướng dẫn sinh viên Trường Cao đẳng Điện Biên về điện dân dụng
- ◆ **Mai Thị Thủy:** Lựa chọn bài tập thể lực cho nam sinh viên Khóa 13 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- ◆ **Phạm Như Cương:** Đánh giá hiệu quả một số bài tập phát triển sức bền trong chạy cự ly trung bình cho nam học viên lớp Trình sát cảnh sát Khóa K31S Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II
- ◆ **Trịnh Xuân Hồng, Nguyễn Đăng Hào, Trần Thanh Tú, Trần Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Đánh giá hiệu quả các giải pháp tổ chức hoạt động đội bóng đá nam sinh viên Đại học Huế theo mô hình Câu lạc bộ
- ◆ **Phạm Thị Mai, Nguyễn Đăng Hào, Đỗ Văn Tùng, Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Đề xuất thẩm định tính khoa học, thực tiễn của nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất tại Đại học Huế nhằm đáp ứng nhu cầu người học
- ◆ **Trần Xuân Ngọc:** Vận dụng phương pháp thực hành trong hướng dẫn sinh viên Trường Cao đẳng Điện Biên về điện dân dụng
- ◆ **Phan Huỳnh Như Ngọc:** Thực trạng văn hóa học đường tại các trường THCS xã Cù Chi, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Nguyễn Thị Nhàn:** Tổng quan các công cụ đánh giá năng lực đọc và viết cho trẻ em: bối cảnh quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam
- ◆ **Trương Mỹ Hạnh Trinh, Lý Bình Nhung:** Quốc tế hóa giáo dục đại học: phân tích một số mô hình và gợi ý vận dụng cho các trường đại học Việt Nam
- ◆ **Trần Hữu Nam, Nguyễn Văn Cường:** Đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển phong trào Pickleball ở Đại học Huế
- ◆ **Trịnh Văn Quy:** Hợp tác phi truyền thống trong phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam
- ◆ **Nguyễn Văn Hòa:** Những vấn đề cơ bản về tư vấn học đường hiện nay ở bậc phổ thông
- ◆ **Nguyễn Phan Tiến Trung, Nguyễn Đăng Hào, Nguyễn Đôn Công Uy, Nguyễn Khắc Trung, Nguyễn Thanh Bình:** Nghiên cứu xây dựng và đánh giá hiệu quả chương trình huấn luyện của câu lạc bộ Bóng rổ tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế
- ◆ **Hà Văn Trung:** Nâng cao chất lượng đào tạo múa dân gian các dân tộc Mông, Dao, Khơ mú tại tỉnh Lào Cai hiện nay
- ◆ **Mai Duy Thuận:** Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của hạ sĩ quan, binh sĩ ở sư đoàn 312, quân đoàn 12
- ◆ **Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Linh Phong:** Giáo dục tinh thần yêu nước cho học sinh THPT trong môn Giáo dục quốc phòng và An ninh qua hình thức tham quan trực tuyến
- ◆ **Nguyễn Thị Thanh:** Tương tác ảo thiết kế bảo tàng trong đào tạo ngành Du lịch
- ◆ **Nguyễn Văn Phú:** Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng thực hành bay của học viên ở Trường Sĩ quan không quân
- ◆ **Phạm Duy Hải, Lê Mạnh Linh, Phạm Ngọc Tú, Nguyễn Thị Huyền:** Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn chuyên sâu Bóng rổ học phần I và II cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội
- ◆ **Trần Thu Hằng:** Khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên số nhằm nâng cao khả năng phát âm cho sinh viên ngoại ngữ
- ◆ **Tô Toàn, Cao Nguyễn Quang Huy, Vương Đình Lâm:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên
- ◆ **Kiều Thị Thu Chung:** Từ góc nhìn tư tưởng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến việc xây dựng văn hóa trách nhiệm cho thanh niên Việt Nam hiện nay

- ◆ **Nguyễn Thị Kim Thái, Trần Thị Thu Hà, Lê Thị Phương, Trương Bùi Thùy Dương:** Biện pháp tổ chức hoạt động tạo hình nhằm phát triển khả năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi
- ◆ **Võ Đình Ngà:** Giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông thị giác về môi trường cho sinh viên ngành Thiết kế đồ họa tại Việt Nam
- ◆ **Trần Văn Tùng:** Một số giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng học tập các môn quân sự chung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- ◆ **Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Tùng Lâm:** Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực mềm dẻo cho nữ học sinh đội tuyển thể dục Aerobic trường THPT kỹ thuật Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- ◆ **Trần Thanh Hoài:** Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Điện lực
- ◆ **Lê Thị Khánh Linh, Lê Thị Nhung:** Phân tích nhu cầu cho học phần tiếng Anh chuyên ngành Logistics: góc nhìn từ nhà tuyển dụng
- ◆ **Lê Thị Quỳnh Thương:** Tối ưu hoá thuật toán
- ◆ **Lý Thị Quỳnh Anh:** Phát triển kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Văn học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn
- ◆ **Nguyễn Thị Hồng Thơm, Trần Thị Thủy, Ngô Thị Hoa:** Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
- ◆ **Nguyễn Thị Lan Quyên, Nguyễn Thái Dư:** Một số giải pháp nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học An Giang
- ◆ **Nguyễn Thị Tâm:** Kinh nghiệm quốc tế về trọng tài thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế và bài học cho Việt Nam
- ◆ **Bùi Phương Thúy, Nguyễn Văn Thuận, Cam Thành Chương:** Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại các trường đại học và cao đẳng - thực trạng và giải pháp
- ◆ **Trần Thị Hòa, Nguyễn Thị Thu Hương:** Đánh giá thực trạng và đề xuất nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý tòa nhà CT4 Văn Khê, phường Hà Đông, TP Hà Nội phục vụ cho giảng dạy sinh viên ngành Bất động sản
- ◆ **Đinh Thị Kim Loan:** Đặc điểm thời gian tham gia thể thao ngoại khóa và thể lực của nữ sinh viên Trường Đại học An Giang - Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Nguyễn Đăng Khoa, Cao Việt Bắc:** Giải pháp nâng cao thể lực chung cho nữ sinh viên Trường Cao đẳng Thái Nguyên
- ◆ **Nguyễn Tuấn Anh, Đỗ Thị Thu Hiền:** Đánh giá thực trạng kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
- ◆ **Tăng Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Thị Thu Hương:** Đánh giá thực trạng công tác đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn xã Dương Hoà, TP Hà Nội phục vụ công tác giảng dạy chuyên ngành Quản lý đất đai
- ◆ **Nguyễn Thành Long:** Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống gợi ý động trong môi trường dữ liệu lớn bằng học tăng cường và kỹ thuật giảm chiều sâu
- ◆ **Phạm Thanh Phú, Ngô Xuân Sơn:** Định hướng và giải pháp phát huy vai trò khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh trong giai đoạn mới
- ◆ **Lý Thị Quỳnh Anh:** Phát triển kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Văn học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn
- ◆ **Trang Quang Vinh, Nguyễn Thị Phương Linh, Đỗ Văn Hùng, Châu Thành Sang, Nguyễn Thị Kim Quế, Võ Phú Hữu:** “Giải mã” các trào lưu tư tưởng hậu hiện đại và chủ nghĩa tự do mới tác động và định hướng phản biện đối với giảng dạy Lý luận chính trị và đội ngũ trí thức tại Việt Nam hiện nay
- ◆ **Đinh Thị Chinh, Võ Phú Hữu:** Giá trị văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới và ý nghĩa đối với giáo dục nhân cách thanh niên hiện nay
- ◆ **Trình Sơn Tùng:** Thực trạng quản lý dạy học môn Toán lớp 8 ở các trường trung học cơ sở huyện Thanh Trì, TP Hà Nội theo yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018
- ◆ **Đinh Thị Phương Anh:** Thực trạng quản lý giáo dục STEM ở các trường THCS phường Bạch Mai, TP Hà Nội
- ◆ **Phan Thị Thanh Tuyền, Lưu Nguyễn Quốc Hưng:** Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở tại các phường Ninh Kiều, Tân An, Cái Khế TP Cần Thơ
- ◆ **Võ Ngọc Thảo:** Quản lý hoạt động dạy học bài thơ “Tràng giang” lớp 12 trung học phổ thông theo mô hình lớp học đảo ngược
- ◆ **Huỳnh Mộng Tuyền, Lê Thị Quý:** Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học phường Tam Long, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Đỗ Xuân Linh:** Biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên đổi số cho giáo viên các trường trung học phổ thông tại phường Sài Gòn và phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh
- ◆ **Trần Thị Kim Xuyên:** Phát huy vai trò của hiệu trưởng trường THCS trong quản lý và khai thác hiệu quả thiết bị dạy học số - từ thực tiễn của phường Lê Chân, TP Hải Phòng